TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:117/2024/DS-ST.
Ngày: 28/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Diễm
Ông Nguyễn Công Tân

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 142/2024/TLST- DS ngày 05/6/2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-DS ngày 04/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐST-DS ngày 21/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964 - Có mặt
Nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1977 – vắng mặt
Nơi thường trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang - Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (vợ ông V) – vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Nơi thường trú: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và chị Nguyễn Thị C có mối quan hệ quen biết. Ngày 11/4/2019 âm lịch (tức ngày 15/5/2019 dương lịch) tại nhà chị C, ông có cho chị C vay số tiền 600.000.000 đồng. Khi vay giữa ông và chị C có lập giấy vay thể hiện vay số tiền 600.000.000 đồng, ngày vay là 11/4/2019 âm lịch, ông và chị C không thỏa thuận

về hạn trả nợ và lãi suất vay, nhưng thỏa thuận miệng với nhau là thời hạn trả nợ 03 tháng tính từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận là 9%/năm. Trong quá trình vay, chị C có trả được cho ông được số tiền 30.000.000đồng vào năm 2020. Sau đó mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu chị C trả tiền nhưng chị C không trả cho ông thêm cho ông được số tiền gốc và lãi suất nào.

Tại đơn khởi kiện ông V yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị C trả cho ông số tiền gốc là 570.000.000 đồng và tính lãi suất 9%/năm, thời gian tính lãi của số tiền là ngày vay tiền 11/4/2019 âm lịch, tiền lãi tạm tính đến ngày 28/9/2024 với lãi suất 9%/năm là 275.452.500 đồng.

Tại phiên tòa ông V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử buộc chị C trả ông số tiền gốc là 570.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay 11/4/2019 âm lịch tức ngày 15/5/2019 đến ngày 28/9/2024 với lãi suất 9%/năm là 275.452.500 đồng và buộc chị C tiếp tục chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:**

Do quen biết với ông Nguyễn Văn V, ngày 11/4/2019 chị có vay của ông Nguyễn Văn V số tiền là 600.000.000 đồng, chị đã trả được 30.000.000 đồng.

Đến năm 2020, chị có bảo ông V là giờ chị không có sẵn tiền trả, nếu chị vay được Ngân hàng thì sẽ có tiền trả cho ông V, nếu không thì chị trả ông V bằng đất. Ông V nói rằng nếu lấy đất thì không có tiền trả lại cho chị nên chỉ lấy tiền, không đồng ý lấy đất của chị.

Từ đó đến nay ông V có đòi tiền nhiều lần nhưng chị nói giờ chỉ có đất, nếu muốn lấy tiền thì phải đợi chị đòi được tiền làm ăn thì mới trả được cho ông V.

Nay ông V yêu cầu chị trả cho ông V số tiền 570.000.000 đồng và tiền lãi thì chị đồng ý. Tuy nhiên chị vẫn giữ quan điểm rằng sẽ trả ông V bằng đất, còn nếu ông V yêu cầu trả bằng tiền thì phải đợi chị bán được đất hoặc đòi được tiền làm ăn vì hiện tại chị không có sẵn tiền.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Văn V, trong năm 2019, ông có cho chị C vay tiền. Quá trình vay mượn giữ ông V và chị C như nào bà chỉ được ông V nói lại, còn số tiền của ông V cho bà C vay không liên quan đến bà. Bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị C chưa chấp hành đầy đủ quy định tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc chị Nguyễn Thị C trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền 845.452.500 đồng (trong đó tiền gốc vay là 570.000.000 đồng, tiền lãi suất là 275.452.500 đồng).

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.363.575 đồng.

Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là chị Nguyễn Thị C có nơi cư trú tại thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án theo quy định tại các Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện: Căn cứ đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn V và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn thể hiện ông V khởi kiện đòi bị đơn chị Nguyễn Thị C đòi số tiền theo giấy vay tiền đề ngày 11/4/2019 âm lịch tức ngày 15/5/2019 dương lịch, Tòa án thụ lý vụ án và xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ thời hạn trả nợ vay đến nay đã quá 03 năm, nhưng hai bên không thỏa thuận ngày trả nợ, do vậy vẫn trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị C.

[2]. Xem xét yêu cầu của người khởi kiện:

Về số tiền gốc, xác định nghĩa vụ trả nợ: Ngoài đơn khởi kiện, bản tự khai, ông V nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền đề ngày 11/4/2019 âm lịch có chữ ký của bị đơn chị Nguyễn Thị C. Phía bị đơn chị C có lời khai biên bản ghi lời khai và tại biên bản hòa giải thừa nhận có vay tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông V, chị là người trực tiếp nhận tiền và ký trong giấy vay tiền với số tiền là 600.000.000 đồng, mục đích vay để để làm ăn.

Từ ngày ký kết giấy vay tiền và nhận tiền đến nay chị xác định đã trả cho ông V được 30.000.000 đồng tiền gốc.

Vì vậy việc ông V khởi kiện yêu cầu chị C trả số tiền gốc còn nợ nêu trên là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 275; Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

- Về lãi suất: Ông Nguyễn Văn V yêu cầu chị C phải trả lãi suất với lãi suất 9%/năm từ ngày 11/4/2019 tức ngày 15/5/2019, phía bị đơn chị C đồng ý trả, nhưng xin trả dần cả gốc còn nợ và lãi suất hoặc ông V lấy đất của chị.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 11/4/2019 tức ngày 15/5/2019 dương lịch đến 28/9/2024 là 05 năm 04 tháng 13 ngày bằng:

(570.000.000 đông x 9%/năm) x 05 năm + (570.000.000 đông x 9%/năm: 12 tháng) x 04 tháng + (570.000.000 đông x 9%/năm: 12 tháng: 30 ngày) x 13 ngày = 275.452.500 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2024 đến khi người phải thi hành án thanh toán xong khoản nợ gốc, căn cứ mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự việc thỏa thuận giữa hai bên lãi suất là 9%/năm cần được chấp nhận để buộc chị Nguyễn Thị C phải trả lãi cho ông Nguyễn Văn V đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C không thuộc đối tượng được miễn án phí nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí, ông V là người được miễn tạm ứng án phí nên không xem xét tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 275; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

- Buộc chị Nguyễn Thị C trả cho ông Nguyễn Văn V tổng số tiền cả gốc và lãi là 845.452.500 đồng (T trăm bốn mươi năm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng), (trong đó số tiền gốc vay là 570.000.000 đồng, tiền lãi là 275.452.500 đồng).

Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2024 đến khi người có nghĩa vụ phải thi hành án thi hành xong khoản tiền nợ gốc, còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất là 9%/năm theo thỏa thuận.

2. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 37.363.575 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Hướng dân thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tuấn